

| | | |
|--|---|---|
| <p>lược đồ hình 3.</p> <p>-Phong cảnh ở Đà Lạt như thế nào?</p> <p>-GV giải thích thêm: Nhìn chung càng lên cao thì nhiệt độ không khí càng giảm. Trung bình cứ lên cao 1000 m thì nhiệt độ không khí lại giảm đi khoảng 5 đến 6 độ C. Vì vậy, vào mùa hạ nóng bức, người ta thường đi nghỉ mát ở vùng núi. Đà Lạt ở độ cao 1500 m so với mặt biển nên quanh năm mát mẻ. Vào mùa đông, Đà Lạt cũng lạnh nhưng không có gió mùa đông bắc nên không rét buốt như ở miền Bắc.</p> | | <p>Hương, thác Cam Li, rừng thông, vườn hoa,.....</p> |
| <p>3.3Hoạt động 2: Thảo luận nhóm GV chia lớp thành 4 nhóm giao nhiệm vụ cho từng nhóm</p> <p>-Tại sao Đà Lạt lại được chọn làm nơi du lịch, nghỉ mát?</p> <p>-Đà Lạt có những công trình kiến trúc nào phục vụ cho việc nghỉ mát, du lịch?</p> <p>-Kể tên một số khách sạn ở Đà Lạt? GV nhận xét chung</p> | 8 | <p>HS quan sát hình 3 & đọc mục 2, thảo luận nhóm -Đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm trước lớp</p> <p>+ Đà Lạt lại được chọn làm nơi du lịch, nghỉ mát vì khí hậu mát mẻ quanh năm, có nhiều cảnh đẹp.</p> <p>+ Đà Lạt có nhiều công trình kiến trúc như: khách sạn, nhà nghỉ, sân gôn, nhà ga, . . .</p> <p>+ HS kể</p> <p>-HS trình bày tranh ảnh về Đà Lạt mà mình sưu tầm được</p> |
| <p>3.4Hoạt động 3: Hoạt động nhóm GV treo bảng phụ ghi nội dung câu hỏi yêu cầu HS thảo luận cặp đôi</p> <p>-Tại sao Đà Lạt được gọi là thành phố của hoa, trái & rau xanh?</p> <p>-Kể tên các loại hoa, trái & rau xanh ở Đà Lạt?</p> <p>-Tại sao ở Đà Lạt lại trồng được nhiều loại hoa, trái & rau xanh xứ lạnh?</p> <p>-Hoa & rau của Đà Lạt có giá trị như thế nào? GV nhận xét – tuyên dương</p> | 8 | <p>Quan sát tranh ảnh về hoa, trái, rau xanh của Đà Lạt, thảo luận theo cặp-Đại diện nhóm trình bày – HS nhận xét</p> <p>+ Ở đây trồng rất nhiều rau, hoa. Có diện tích trồng hoa, rau rất lớn.</p> <p>+ Rau: Cải bắp, su hào, súp lơ, cà chua, cà rốt, . . .</p> <p>+ Hoa: hồng, lan, Mi-mô-da, cẩm tú cầu, lay ơn, cẩm chướng,</p> <p>+ Quả: đào, mận, dâu tây, . . .</p> <p>+ Cung cấp rau, hoa cho trong nước và xuất khẩu.</p> |
| <p>4. Củng cố HS nêu nội dung chính của bài</p> | 2 | |

| | | |
|---|---|-------------------------------------|
| - Nêu đặc điểm của thành phố Đà Lạt mà em biết Gv nhận xét giờ học | | HS hoàn thành bảng sơ đồ- trình bày |
| 5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Ôn tập | 1 | HS chú ý nghe |

KHOA HỌC

TIẾT 20 :NƯỚC CÓ NHỮNG TÍNH CHẤT GÌ ?

I-MUC TIÊU:

1. Kiến thức

Sau bài này học sinh biết:

- Nêu được một số tính chất của nước : nước là chất lỏng , trong suốt , không màu , không mùi , không có hình dạng nhất định ; nước chảy từ cao xuống thấp , chảy lan ra khắp mọi phía , thấm qua một số vật và hoà tan một số chất .
- Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện ra một số tính chất của nước .
- Nêu được ví dụ về ứng dụng một số tính chất của nước trong đời sống: làm mái nhà dốc cho nước mưa chảy xuống, làm áo mưa để mặc không bị ướt,...

2. Kỹ năng:

- Biết phối hợp với nhau để làm một số thí nghiệm đơn giản chứng minh tính chất của nước .
- Thuyết trình trước lớp

3. Thái độ:

- HS thích tìm tòi những điều mới lạ.

II- ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Hình vẽ trang 42, 43 SGK.
- Chuẩn bị theo nhóm:
+2 li thuỷ tinh giống nhau 1 li đựng nước ,1 li đựng sữa.
+1 Chai và một số vật chứa nước có hình dạng khác nhau bằng thuỷ tinh hoặc nhựa trong có thể nhìn thấy nước đựng ở trong.
+Một miếng vải, 1túi ni lông...
+Một ít đường, muối, cát ... và thìa.
- Phiếu học tập

| Các giác quan dùng để quan sát | Cốc nước | Cốc sữa |
|--------------------------------|------------|------------|
| 1.Mắt-nhìn | Trong suốt | Trắng đục |
| 2.Lưỡi-liếm | Không vị | ngọt |
| 3.Mũi-ngửi | Không mùi | Có mùi sữa |

III-CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

| | | |
|--------------------------------|----------------|-------------------------------|
| Hoạt động của giáo viên | T G | Hoạt động của học sinh |
|--------------------------------|----------------|-------------------------------|

| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | Chuẩn bị đồ dùng học tập | | | | | | | | | | | | |
|--|------------------------------------|-------------------------------|---------|-------------|------------|-----------|--------------|----------|------|-------------|-----------|------------|---|---|
| 2. Kiểm tra bài cũ Em hãy trình bày những lời khuyên dinh dưỡng hợp lí. | 3 | 2 hs trình bày HS nhận xét | | | | | | | | | | | | |
| 3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Nước có những tính chất gì ? | 1 | HS nghe và ghi tên bài | | | | | | | | | | | | |
| 3.2 Hoạt động 1: Phát hiện màu, mùi, vị của nước Mục tiêu: - HS sử dụng các giác quan để nhận biết tính chất không màu, không mùi, không vị của nước. - Phân biệt nước & các chất lỏng khác. Cách tiến hành: - Yêu cầu HS mang cốc đựng nước và cốc đựng sữa ra quan sát (có thể thay cốc sữa bằng chất khác) theo nhóm. - Cốc nào đựng nước cốc nào đựng sữa? - Vì sao em biết? Hãy dùng các giác quan để phân tích. GV lưu ý học sinh không nên ném nếu như không biết đó là nước gì ? - Cho HS lên điền vào bảng: <table border="1" data-bbox="244 1227 869 1624"> <thead> <tr> <th data-bbox="244 1227 470 1406">Các giác quan cần dùng để quan sát</th> <th data-bbox="470 1227 662 1406">Cốc nước</th> <th data-bbox="662 1227 869 1406">Cốc sữa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="244 1406 470 1489">1. Mắt-nhìn</td> <td data-bbox="470 1406 662 1489">Trong suốt</td> <td data-bbox="662 1406 869 1489">Trắng đục</td> </tr> <tr> <td data-bbox="244 1489 470 1534">2. Lưỡi-liếm</td> <td data-bbox="470 1489 662 1534">Không vị</td> <td data-bbox="662 1489 869 1534">ngọt</td> </tr> <tr> <td data-bbox="244 1534 470 1624">3. Mũi-ngửi</td> <td data-bbox="470 1534 662 1624">Không mùi</td> <td data-bbox="662 1534 869 1624">Có mùi sữa</td> </tr> </tbody> </table> - Hãy nói về những tính chất của nước. *Kết luận: Qua quan sát ta thấy nước không màu, không mùi, không vị. | Các giác quan cần dùng để quan sát | Cốc nước | Cốc sữa | 1. Mắt-nhìn | Trong suốt | Trắng đục | 2. Lưỡi-liếm | Không vị | ngọt | 3. Mũi-ngửi | Không mùi | Có mùi sữa | 6 | - HS chỉ và nói rõ từng cốc - Vì : +Nhìn: cốc nước trong suốt, không màu và có thể nhìn thấy chiếc thìa để trong cốc; cốc sữa trắng đục nên không thấy thìa trong cốc. +Nếm: Cốc nước không có vị; cốc sữa có vị ngọt. +Ngửi: cốc nước không mùi; cốc sữa có mùi sữa. - Một vài HS nói và bổ sung ý bạn. - Thực hiện và quan sát - HS nêu tính chất của nước |
| Các giác quan cần dùng để quan sát | Cốc nước | Cốc sữa | | | | | | | | | | | | |
| 1. Mắt-nhìn | Trong suốt | Trắng đục | | | | | | | | | | | | |
| 2. Lưỡi-liếm | Không vị | ngọt | | | | | | | | | | | | |
| 3. Mũi-ngửi | Không mùi | Có mùi sữa | | | | | | | | | | | | |
| 3.3 Hoạt động 2: Phát hiện hình dạng của nước Mục tiêu: - HS hiểu khái niệm “hình dạng nhất định” - Biết dự đoán, nêu cách tiến hành & | 7 | | | | | | | | | | | | | |

| <p><i>tiến hành làm thí nghiệm tìm hiểu hình dạng của nước.</i></p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>-Yêu cầu các nhóm mang vật đựng nước theo. Yêu cầu mỗi nhóm chứa nước trong 1 vật và thay đổi chiều theo các hướng khác nhau.</p> <p>-Khi ta thay đổi vị trí của vật đựng thì hình dạng chúng có thay đổi không? Ta nói chúng có hình dạng nhất định.</p> <p>-Vật nước có hình dạng nhất định không?</p> <p>Kết luận:</p> <p>Nước không có hình dạng nhất định.</p> | | <p>-Không</p> <p>-Kiểm nghiệm và đưa ra kết luận: nước không có hình dạng nhất định.</p> | | | | | | |
|---|---|---|----------------|----------|---|--|--|---|
| <p>3.4Hoạt động 3:Tìm hiểu xem nước chảy thế nào?</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- HS biết làm thí nghiệm để rút ra tính chất chảy từ cao xuống thấp, lan ra khắp mọi phía của nước.</p> <p>-Nêu được ứng dụng thực tế của tính chất này.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>-Các em đã chuẩn bị gì cho thí nghiệm này?</p> <p>-Yêu cầu các nhóm tiến hành như SGK.</p> | 7 | <p>Lấy nước đổ lên mặt một tấm kính. Và quan sát đưa ra nhận xét.</p> <table border="1" data-bbox="852 875 1386 1525"> <thead> <tr> <th>Cách tiến hành</th> <th>Nhận xét</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đổ nước lên mặt tấm kính nằm nghiêng trên khay nằm ngang.</td> <td>-Nước chảy xuống. -Khi chảy xuống đáy khay thì nước chảy lan ra</td> </tr> <tr> <td>-Đổ một ít nước trên tấm kính nằm ngang. -Tiếp tục đổ nước trên mặt kính nằm ngang, hứng dưới đáy khay.</td> <td>-Nước chảy lan ra. -Nước chảy lan và tràn ra ngoài, chảy xuống khay.</td> </tr> </tbody> </table> | Cách tiến hành | Nhận xét | Đổ nước lên mặt tấm kính nằm nghiêng trên khay nằm ngang. | -Nước chảy xuống. -Khi chảy xuống đáy khay thì nước chảy lan ra | -Đổ một ít nước trên tấm kính nằm ngang. -Tiếp tục đổ nước trên mặt kính nằm ngang, hứng dưới đáy khay. | -Nước chảy lan ra. -Nước chảy lan và tràn ra ngoài, chảy xuống khay. |
| Cách tiến hành | Nhận xét | | | | | | | |
| Đổ nước lên mặt tấm kính nằm nghiêng trên khay nằm ngang. | -Nước chảy xuống. -Khi chảy xuống đáy khay thì nước chảy lan ra | | | | | | | |
| -Đổ một ít nước trên tấm kính nằm ngang. -Tiếp tục đổ nước trên mặt kính nằm ngang, hứng dưới đáy khay. | -Nước chảy lan ra. -Nước chảy lan và tràn ra ngoài, chảy xuống khay. | | | | | | | |
| <p>3.5Hoạt động 4: Phát hiện tính thấm hoặc không thấm của nước đối với một số vật</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>-HS biết làm thí nghiệm để phát hiện nước thấm qua & không thấm qua một số vật.</p> <p>-Nêu được ứng dụng thực tế của tính chất này.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV tiến hành hoạt động cả lớp.</p> <p>- Hỏi:</p> <p>1) Khi vô ý làm đổ mực, nước ra bàn</p> | 7 | <p>Trả lời.</p> <p>1) Em lấy giẻ, giấy thấm, khăn lau để thấm nước.</p> | | | | | | |

| | | |
|--|---|--|
| <p>em thường làm như thế nào ?</p> <p>2) Tại sao người ta lại dùng vải để lọc nước mà không lo nước thấm hết vào vải ?</p> <p>3) Làm thế nào để biết một chất có hoà tan hay không trong nước ?</p> <p>- GV tổ chức cho HS làm thí nghiệm 3, 4 trang 43 / SGK.</p> <p>-Yêu cầu 4 HS làm thí nghiệm trước lớp.</p> <p>+Hỏi: Sau khi làm thí nghiệm em có nhận xét gì ?</p> <p>+ Yêu cầu 3 nhóm lên bảng làm thí nghiệm với đường, muối, cát xem chất nào hoà tan trong nước.</p> <p>+ Hỏi:</p> <p>1) Sau khi làm thí nghiệm em có nhận xét gì ?</p> <p>2) Qua hai thí nghiệm trên em có nhận xét gì về tính chất của nước ?</p> <p>Kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước thấm qua một số vật. - Yêu cầu HS nêu lên những ứng dụng thực tế liên quan đến tính chất trên của nước. | | <p>2) Vì mảnh vải chỉ thấm được một lượng nước nhất định. Nước có thể chảy qua những lỗ nhỏ các sợi vải, còn các chất bản khác bị giữ lại trên mặt vải.</p> <p>3) Ta cho chất đó vào trong cốc có nước, dùng thìa khuấy đều lên sẽ biết được chất đó có tan trong nước hay không.</p> <p>- HS thí nghiệm.</p> <p>-1 HS rót nước vào khay và 3 HS lần lượt dùng vải, bông, giấy thấm để thấm nước.</p> <p>+ Em thấy vải, bông giấy là những vật có thể thấm nước.</p> <p>+ 3nhóm lên bảng làm thí nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng điều khiển các bạn thực hiện thí nghiệm của nhóm mình & nêu nhận xét <p>1) Em thấy đường tan trong nước; Muối tan trong nước; Cát không tan trong nước.</p> <p>2) Nước có thể thấm qua một số vật và hoà tan một số chất.</p> <p>HS nêu ứng dụng: làm đồ dùng chứa nước, lợp nhà, làm áo mưa (dùng vật liệu không cho nước thấm qua); dùng các vật liệu cho nước thấm qua để lọc nước đục</p> <p>2HS đọc mục “Bạn cần biết”</p> |
| <p>4. Cũng cố</p> <p>HS nêu nội dung chính của bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước có những tính chất gì? <p>Gv nhận xét giờ học</p> | 2 | <p>hs nêu</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nước không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định. Nước chảy từ cao xuống thấp, lan ra khắp mọi phía. Nước thấm qua & không thấm qua một số vật. |
| <p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - áp dụng tính chất của nước vào cuộc sống - Chuẩn bị bài: Ba thể của nước | 1 | <p>HS chú ý nghe</p> |

SINH HOẠT LỚP TUẦN 10

I. MỤC TIÊU

- Học sinh nắm được ưu khuyết điểm trong tuần về các mặt hoạt động : Thực hiện nề nếp của trường , lớp .
- Đề ra biện pháp giúp đỡ học sinh thực hiện chưa tốt nội quy của lớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1, Lớp trưởng nhận xét đánh giá thi đua giữa các tổ về các mặt .

- Nề nếp xếp hàng vào lớp, truy bài
- Lao động , vệ sinh cá nhân
- Học bài và làm bài khi đến lớp .

__ Xếp loại thi đua giữa các phân đội :

2. Ý kiến các thành viên trong tổ

3. Phương hướng nhiệm vụ tuần sau

- Tiếp tục tổ chức thi đua giữa các tổ theo tiêu chí thi đua
- Tổ chức đôi bạn cùng tiến giúp nhau trong học tập.
- Thực hiện tốt luật an toàn giao thông : đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy và xe đạp điện
- Thực hiện tốt các phong trào do liên đội tổ chức
- Phát động thi đua lập thành tích chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 .
- Tập luyện 2 tiết mục văn nghệ đặc sắc để dự thi liên hoan văn nghệ toàn trường

4. Ý kiến nhận xét . nhắc nhở của giáo viên chủ nhiệm

- Nhận xét và tuyên dương các tổ, các cá nhân làm tốt công việc trong tuần
- Động viên học sinh làm chưa tốt tiếp tục phấn đấu làm tốt ở các tuần học sau .
- Thực hiện tốt nếp sống thanh lịch văn minh của học sinh thủ đô
- Nhắc nhở đội văn nghệ tập luyện 2 tiết mục văn nghệ đã lựa chọn

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 11

TOÁN

TIẾT 51 :NHÂN VỚI 10, 100, 1000 ... CHIA CHO 10, 100, 1000...

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức

- Biết cách thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000...
- Biết cách thực hiện phép chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn... cho 10, 100, 1000...

2.Kĩ năng:

- Vận dụng để tính nhanh khi nhân (hoặc chia) với (hoặc cho) 10, 100, 1000...
- Làm đúng các bài tập

3. Thái độ:

- HS biết vận dụng kiến thức đã học để tính nhanh, chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Bảng phụ ghi nội dung BT2

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|---|-----------|---|
| 1. Ổn định tổ chức lớp GV Kiểm tra sĩ số | 1 | HS báo cáo HS hát Chuẩn bị đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ - GV yêu cầu HS viết công thức và nêu tính chất giao hoán của phép nhân. - GV nhận xét | 3 | HS trả lời HS nhận xét |
| 3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2 <u>Hoạt động1:</u> Hướng dẫn HS nhân với 10 & chia số tròn chục cho 10 <u>a.Hướng dẫn HS nhân với 10</u> - GV nêu phép nhân: $35 \times 10 = ?$ - Dựa vào tính chất giao hoán của phép nhân 35×10 sẽ bằng bao nhiêu? - 10 còn gọi là mấy chục? - Vậy: 10×35 = 1 chục $\times 35 = 35$ chục - 35 chục bằng bao nhiêu? GV kết luận: $35 \times 10 = 35$ chục = 350 - Khi nhân 35 với 10 ta làm thế nào? - GV rút ra nhận xét chung: Khi nhân một số tự nhiên với 10, ta chỉ việc | 16 | $35 \times 10 = 10 \times 35$ 1chục $35 \text{chục} = 350$ - Khi nhân 35 với 10 ta chỉ việc viết thêm vào bên phải 35 một chữ số 0 (350) |

| | | |
|---|---|--|
| <p>viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó.</p> <p><u>b.Hướng dẫn HS chia cho 10:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi bảng: $35 \times 10 = 350$ $350 : 10 = ?$ - Khi chia 350 cho 10 ta làm thế nào? - GV rút ra nhận xét chung: Khi chia một số tròn chục cho 10, ta chỉ việc bỏ bớt đi một chữ số 0 ở bên phải số đó. - GV cho HS làm một số bài tính nhằm trong SGK. <p><u>c.HDHS nhân nhằm với 100, 1000...; chia số tròn trăm, tròn nghìn... cho 100, 1000...</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn tương tự như trên. - GV chốt kiến thức | | <ul style="list-style-type: none"> - Vài HS nhắc lại. - $350 : 10 = 35$ chục : 1 chục = 35 + Khi chia 350 cho 10 ta chỉ việc bớt 1 chữ số 0 ở bên phải số đó. <p>Vài HS nhắc lại</p> <p>3 HS đọc phần nhận xét chung SGK</p> |
| <p><u>3.3Hoạt động 2: Thực hành</u></p> <p><u>Bài tập 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Gọi HS đọc yêu cầu bài - Yêu cầu HS nhằm và nêu kết quả theo cặp. -Nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000...ta làm thế nào? - Chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000... ta làm thế nào? - GV cùng HS theo dõi nhận xét | 8 | <p>Gọi HS đọc yêu cầu bài, nhằm và nêu kết quả.</p> <p>a/ $18 \times 10 = 180$ $18 \times 100 = 1800$ $18 \times 1000 = 18000$ $9000 : 10 = 900$ $9000 : 100 = 90$ $9000 : 1000 = 9$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng cặp HS sửa & thống nhất kết quả 2HS nêu |
| <p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài – GV hướng dẫn mẫu: $300\text{kg} = \dots \text{ tạ}$ $100\text{kg} = 1 \text{ tạ}$ $300 : 100 = 3$ Vậy $300\text{kg} = 3 \text{ tạ}$ - GV yêu cầu HS nhắc lại quan hệ các đơn vị đo khối lượng GV chấm một số vở – nhận xét | 8 | <ul style="list-style-type: none"> -HS đọc yêu cầu bài, nêu quan hệ các đơn vị đo khối lượng và làm bài vào vở. $70\text{kg} = 7 \text{ yến}$ $800\text{kg} = 8 \text{ tạ}$ $300 \text{ tạ} = 30 \text{ tấn}$ $120 \text{ tạ} = 12 \text{ tấn}$ $5000\text{kg} = 5 \text{ tấn}$ $4000\text{g} = 4 \text{ kg}$ |
| <p><u>4. Củng cố</u></p> <p>HS nêu nội dung chính của bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000...ta làm thế nào? - Chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000... ta làm thế nào? | 2 | <p>2 hs nêu</p> |

| | | |
|---|---|---------------|
| Gv nhận xét giờ học | | |
| 5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Tính chất kết hợp của phép nhân. | 1 | HS chú ý nghe |

TẬP ĐỌC

TIẾT 21: ÔNG TRẠNG THẢ ĐIỀU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.
 - Hiểu nội dung: Ca ngợi chú bé Nguyễn Hiền thông minh, có ý chí vượt khó nên đã đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi (trả lời được câu hỏi trong SGK).

2. Kỹ năng:

- HS đọc lưu loát toàn bài.
- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi, cảm hứng ca ngợi.

3. Thái độ: Học tập ý chí vươn lên của Nguyễn Hiền.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh minh họa ;Bảng phụ viết sẵn câu, đoạn văn cần hướng dẫn HS luyện đọc

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|----|--|
| 1. Ôn định tổ chức lớp | 1 | Chuẩn bị đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ GV nhận xét chung về bài kiểm tra | 3 | |
| 3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài - GV giới thiệu chủ điểm Có chí thì nên , tranh minh họa chủ điểm - Giới thiệu bài học Ông Trọng thả điều –đây là câu chuyện về một chú bé thần đồng Nguyễn Hiền – thích chơi điều mà ham học, đã đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi, là vị Trạng nguyên trẻ nhất của nước ta. | 1 | HS quan sát tranh chủ điểm & tranh minh họa bài đọc HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động 1: Luyện đọc GV chia đoạn. - GV kết hợp sửa lỗi phát âm sai, ngắt nghỉ hơi chưa đúng hoặc giọng đọc không phù hợp - GV kết hợp giải nghĩa các từ chú thích, các từ mới ở cuối bài đọc. | 10 | HS nối tiếp nhau đọc 4 đoạn của bài 2 lần. +Đoạn 1: Từ đầu đến ... làm lấy điều để chơi. +Đoạn 2: Tiếp theo đến chơi điều. +Đoạn 3: Tiếp đến ... của thầy. +Đoạn 4: Phần còn lại |

| | | |
|--|----|--|
| <p>3.4Hoạt động 3: HD HS đọc diễn cảm Hướng dẫn HS đọc từng đoạn văn - Mời HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài - Hướng dẫn, điều chỉnh cách đọc cho các em sau mỗi đoạn - Hướng dẫn kĩ cách đọc 1 đoạn văn: <i>“Thầy phải kinh ngạc thả đóm đóm vào trong”</i> - GV cùng trao đổi, thảo luận với HS cách đọc diễn cảm - GV sửa lỗi cho các em</p> | 11 | <p>Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, điều chỉnh lại cách đọc cho phù hợp - HS luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp - Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm đoạn văn trước lớp |
| <p>4. Củng cố HS nêu nội dung chính của bài - Truyện này giúp em hiểu ra điều gì? Gv nhận xét giờ học</p> | 2 | <p>hs nêu : Làm việc gì cũng phải chăm chỉ, chịu khó mới thành công.</p> |
| <p>5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Có chí thì nên</p> | 1 | <p>HS chú ý nghe</p> |

CHÍNH TẢ

Tiết 11: NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ.

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

Nhớ-viết đúng bài CT; trình bày đúng 4 khổ thơ 6 chữ trong bài thơ :**Nếu chúng mình có phép lạ**

- Làm đúng BT3 (viết lại chữ sai CT trong các câu đã cho); làm được BT (2) a/

2.Kĩ năng:

- Làm đúng các bài tập, có âm đầu hoặc thanh dễ lẫn lộn: s/x ; dấu hỏi/ dấu ngã

3. Thái độ:

- Trình bày bài cẩn thận, sạch sẽ. Có ý thức rèn chữ viết đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

-Phiếu viết sẵn nội dung BT2b

-Bảng phụ viết câu ca dao tục ngữ ở BT3

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|---|----|--------------------------|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | Chuẩn bị đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ - GV nhận xét bài kiểm tra GKI | 3 | |
| 3. Bài mới | | HS nghe và ghi tên bài |

| | | |
|---|-----------|--|
| <p>3.1 Giới thiệu bài</p> | <p>1</p> | |
| <p>3.2Hoạt động1: HD HS nhớ-viết chính tả</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV mời HS đọc yêu cầu của bài -Yêu cầu 2 HS đọc thuộc lòng 4 khổ thơ cần viết -GV đọc lại đoạn thơ 1 lần -GV nhắc HS cách trình bày đoạn thơ, chú ý những chữ cần viết hoa, những chữ dễ viết sai chính tả -GV yêu cầu HS nêu cách trình bày bài thơ -Yêu cầu HS viết bài vào vở -GV chấm bài 1 số HS & yêu cầu từng cặp HS đổi vở soát lỗi cho nhau -GV nhận xét chung | <p>20</p> | <p>1 HS đọc to yêu cầu của bài, cả lớp đọc thầm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ, các HS khác nhắm theo HS nghe - HS luyện viết những từ ngữ dễ viết sai vào bảng con - HS nêu cách trình bày bài thơ: <ul style="list-style-type: none"> + Ghi tên bài vào giữa dòng + Lùi vào 1 ô li. + Chữ đầu các dòng thơ phải viết hoa. <p>HS gấp SGK, nhớ lại đoạn thơ, tự viết bài</p> <p>HS đổi vở cho nhau để soát lỗi chính tả</p> |
| <p>3.3Hoạt động2: Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả</p> <p>Bài tập 2b:</p> <p>GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 2b</p> <p>GV dán 4 tờ phiếu đã viết nội dung lên bảng, mời HS lên bảng làm thi tiếp sức</p> <p>GV nhận xét kết quả bài làm của HS, chốt lại lời giải đúng.</p> <p>Lời giải đúng:</p> <p>+ nổi tiếng- đỗ trạng – ban thưởng – rất đổi – chỉ xin – nòi nhỏ – thuở hàn vi – phải – hỏi mượn – của – dùng bữa – để ăn – đỗ đạt.</p> | <p>5</p> | <p>HS đọc yêu cầu của bài tập 2b</p> <p>Cả lớp đọc thầm đoạn văn, làm bài vào VBT</p> <p>4 nhóm HS lên bảng thi làm vào phiếu (tiếp sức: mỗi HS trong nhóm chuyên bút dạ cho nhau điền nhanh tiếng tìm được)</p> <p>Đại diện nhóm đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh, sau đó nói về nội dung đoạn văn</p> <p>Cả lớp nhận xét kết quả làm bài</p> <p>Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng</p> |
| <p>Bài tập 3:</p> <p>GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 3</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài tập yêu cầu điều gì? + Mỗi HS được phát giấy khổ to cho 2HS ghi vào + Khi tất cả đều làm bài xong, các băng giấy được lật lại. + GV cùng cả lớp nhận xét, chốt lại | <p>6</p> | <p>HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết lại các câu sau cho đúng chính tả. <p>HS làm bài vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tốt gỗ hơn tốt nước son. b. Xấu người, đẹp nét. c. Mùa hè cá sông, mùa đông cá bể. |

| | | |
|---|---|--|
| <p>lời giải đúng. GV giảng thêm ý nghĩa các câu tục ngữ: Câu a: Nước sơn là vẻ đẹp bên ngoài. Nước sơn đẹp mà gỗ xấu thì cũng chóng hỏng. Con người phải có tâm tính tốt chứ không phải đẹp bởi mã bên ngoài. Câu b: Ca ngợi phẩm chất tốt của con người. Câu c: . Mùa hè ăn cá sông thì ngon, mùa đông ăn cá bể thì ngon. Câu d: Trăng dù mờ cũng sáng hơn sao. Núi có lở vẫn cao hơn đồi. Người có địa vị cao, giỏi giang, giàu có dù có sa sút thế nào cũng còn hơn người khác.(Quan niệm cũ không hoàn toàn đúng)</p> | | <p>d. Trăng mờ còn tỏ hơn sao Dấu rằng núi lở còn cao hơn đồi. HS đọc lại các câu tục ngữ + giải thích ý nghĩa từng câu tục ngữ.</p> |
| <p>4. Củng cố HS nêu nội dung chính của bài Gv nhận xét giờ học</p> | 2 | hs nêu |
| <p>5. Dặn dò -HTL các câu tục ngữ ở BT3 - Chuẩn bị bài: Người chiến sĩ giàu nghị lực.</p> | 1 | HS chú ý nghe |

TOÁN

TIẾT 52 :TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN

I.MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân .
- Bước đầu biết vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân trong thực hành tính .

2.Kĩ năng:

- Vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân để tính toán.

3.Thái độ:

- HS biết vận dụng kiến thức đã học để tính nhanh

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Bảng phụ kẻ bảng phần b trong SGK

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|----|---|
| <p>1. Ổn định tổ chức lớp GV Kiểm tra sĩ số</p> | 1 | <p>HS báo cáo HS hát Chuẩn bị đồ dùng học tập</p> |

| | | |
|--|----|---|
| <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000...ta làm thế nào? - Chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000... ta làm thế nào? - GV nhận xét | 3 | <p>HS trả lời HS nhận xét</p> |
| <p>3. Bài mới</p> <p>3.1 Giới thiệu bài</p> <p><i>Tính chất kết hợp của phép nhân</i></p> | 1 | <p>HS nghe và ghi tên bài <i>Tính chất kết hợp của phép nhân</i></p> |
| <p>3.2 Hoạt động1: So sánh giá trị hai biểu thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV viết bảng hai biểu thức: -$(2 \times 3) \times 4$ $2 \times (3 \times 4)$ -Yêu cầu 2 HS lên bảng tính giá trị biểu thức đó, các HS khác làm bảng con. -Yêu cầu HS so sánh kết quả của hai biểu thức từ đó rút ra: giá trị hai biểu thức bằng nhau. <p>Hoạt động 2: Điền các giá trị của biểu thức vào ô trống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ,giới thiệu bảng & cách làm. -Cho HS lần lượt các giá trị của a, b, c rồi gọi HS tính giá trị của biểu thức $(a \times b) \times c$ và $a \times (b \times c)$, các HS khác tính bảng con. -Yêu cầu HS nhìn vào bảng để so sánh kết quả của hai biểu thức rồi rút ra kết luận: $(a \times b) \times c \quad \text{và} \quad a \times (b \times c)$ $\begin{array}{ccccccc} \downarrow & & \downarrow & & \downarrow & & \downarrow \\ 1 \text{ tích} & \times & 1 \text{ số} & & 1 \text{ số} & \times & 1 \text{ tích} \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - GV chỉ rõ cho HS thấy: đây là phép nhân có ba thừa số, biểu thức bên trái là: một tích hai thừa số nhân với số thứ ba, nó được thay thế bằng phép nhân giữa số thứ nhất với tích của hai số: số thứ hai & số thứ ba. Từ đó rút ra kết luận khái quát bằng lời: <p>Tính chất: Khi nhân một tích hai số với số thứ ba, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và</p> | 15 | <p>HS thực hiện</p> $\begin{array}{ll} (2 \times 3) \times 4 & 2 \times (3 \times 4) \\ = 6 \times 4 & = 2 \times 12 \\ = 24 & = 24 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS so sánh kết quả của hai biểu thức. - HS nêu lại: $(2 \times 3) \times 4 = 2 \times (3 \times 4)$ <p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS so sánh và nêu $(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$</p> <p>- Vài HS nhắc lại</p> |

| | | |
|---|---|--|
| số thứ ba. | | |
| 3.3Hoạt động 3: Thực hành Bài tập 1: Gọi HS đọc yêu cầu bài - Bài này yêu cầu ta điều gì? - Yêu cầu HS làm nháp + 2HS lên bảng làm. GV cùng HS nhận xét – tuyên dương - Biểu thức có dạng tích mấy thừa số? - Cách nào có thể nhân nhẩm được tiện lợi? | 5 | HS đọc yêu cầu bài, làm nháp + Tính bằng hai cách - 2HS lên bảng làm bài. a. $4 \times 5 \times 3 = 20 \times 3 = 60(1)$ $4 \times 5 \times 3 = 4 \times 15 = 60(2)$ $3 \times 5 \times 6 = 15 \times 6 = 90(1)$ $3 \times 5 \times 6 = 3 \times 30 = 90(2)$ + Biểu thức có dạng tích 3 thừa số. + HS tự nêu |
| Bài tập 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài Bài tập yêu cầu ta điều gì? Cần áp dụng tính chất nào để tính? GV cùng HS nhận xét – tuyên dương | 6 | - HS đọc yêu cầu bài + Tính bằng cách thuận tiện nhất. - HS làm bài theo cặp. a. $13 \times 5 \times 2 = 13 \times (2 \times 5)$ $= 13 \times 10 = 130.$ $5 \times 2 \times 34 = (5 \times 2) \times 34$ $= 10 \times 34 = 340.$ b. $2 \times 26 \times 5 = (2 \times 5) \times 26$ $= 10 \times 26 = 260.$ $5 \times 9 \times 3 \times 2 = (5 \times 2) \times (9 \times 3)$ $= 10 \times 27 = 270$ |
| Bài tập 3: Gọi HS đọc yêu cầu bài - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? - Khuyến khích HS làm bài theo các cách khác nhau. GV chấm một số vở – nhận xét | 6 | HS đọc yêu cầu bài ghi tóm tắt và giải vào vở. <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> Số bộ bàn ghế 8 phòng có là: $15 \times 8 = 120(\text{bộ bàn ghế})$ Số học sinh có tất cả là: $2 \times 120 = 240(\text{học sinh})$ <u>Đáp số</u> : 240 học sinh |
| 4. Cũng cố HS nêu nội dung chính của bài Nêu tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân? Gv nhận xét giờ học | 2 | hs nêu |
| 5. Dặn dò - Làm bài tập 1b. - Chuẩn bị bài: Nhân với số có tận cùng là chữ số 0. | 1 | HS chú ý nghe |

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TIẾT 21 : LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ

I - MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được một số từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ (đã, đang, sắp).
- Nhận biết và sử dụng được các từ đó qua các BT thực hành (1, 2, 3) trong SGK.

2. Kỹ năng:

- Bước đầu biết sử dụng các từ nói trên .

3. Thái độ:

- HS yêu thích tìm hiểu Tiếng Việt.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV : - Bảng phụ ghi sẵn các bài tập 2 , 4 .

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|---|----|---|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | Chuẩn bị đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ Động từ là gì ? Cho ví dụ GV nhận xét | 3 | 2 HS trả lời HS nhận xét |
| 3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài - Trong tiết học trước các em sẽ biết về động từ. Tiết học hôm nay, các em làm bài luyện tập về động từ. | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động 2: Luyện tập Bài 1 : Gọi HS đọc yêu cầu bài Các từ in nghiêng sau đây bổ sung ý nghĩa cho những từ nào ? Chúng bổ sung ý nghĩa gì ? GV nhận xét chốt ý . | 10 | - 1 HS đọc yêu cầu bài, trả lời miệng . + Từ “sắp” bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ “đến”. Nó cho biết sự việc diễn ra trong thời gian rất gần. + Từ “đã” bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ “trút”. Nó cho biết sự việc được hoàn thành rồi. |
| Bài 2 : - Gọi HS đọc yêu cầu bài: Điền các từ đã , đang , sắp vào chỗ trống. -GV phát phiếu học tập cho HS làm bài GV cùng HS nhận xét chốt ý đúng: | 10 | - HS đọc yêu cầu bài . - Các nhóm làm việc , viết kết quả ra giấy – trình bày - HS nhận xét a . Đã b . Đã , đang , sắp . |
| Bài 3 : - Gọi HS đọc yêu cầu bài | 10 | HS đọc yêu cầu bài, làm bài vào |

| | | |
|--|---|--|
| - Yêu cầu HS làm bài vào vở GV chấm vở – nhận xét - Yêu cầu HS đọc lại truyện vui và nêu tính khôi hài của truyện | | vở . + Câu 1: Bỏ từ “đã” thay từ “đang” + Câu 2: Bỏ từ “đang” + Câu 3: Bỏ từ “sẽ” thay bằng từ “đang” |
| 4. Cũng cố HS nêu nội dung chính của bài Nêu tên các động từ vừa học Đặt câu với 1 trong các động từ đó Gv nhận xét giờ học | 2 | 2 hs nêu và đặt ccâu |
| 5. Dặn dò - Chuẩn bị bài : Tính từ | 1 | HS chú ý nghe |

KỂ CHUYỆN

Tiết 11: BÀN CHÂN KÌ DIỆU

I.MỤC TIÊU

1. Kiến thức :

- Nghe, quan sát tranh để kể lại được từng đoạn, kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Bàn chân kì diệu (do GV kể).
- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi tấm gương Nguyễn Ngọc Ký giàu nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

2. kĩ năng :

- Có khả năng tập trung nghe cô kể chuyện, nhớ chuyện.
- Chăm chú theo dõi bạn kể chuyện. Nhận xét, đánh giá đúng lời kể của bạn, kể tiếp được lời kể của bạn.

3. Thái độ:

- Có ý thức học tập tinh thần vươn lên của Nguyễn Ngọc Ký.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Tranh minh hoạ

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|----|---|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | Chuẩn bị đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ Khi kể chuyện ta phải chú ý điều gì GV nhận xét | 3 | HS trả lời HS nhận xét |
| 3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Trong tiết kể chuyện hôm nay, các em sẽ được nghe kể câu chuyện về tấm gương Nguyễn Ngọc Ký – một người nổi tiếng về nghị lực vượt khó ở nước ta. Bị liệt cả hai tay, bằng ý chí vươn lên, Nguyễn Ngọc Ký đã đạt được những điều mình mơ ước. | 1 | - HS xem tranh minh hoạ, đọc thầm các yêu cầu của bài kể chuyện trong SGK HS nghe và ghi tên bài |

| | | |
|--|----|---|
| <p>3.2 _ HS nghe kể chuyện GV kể lần 1: - GV kết hợp vừa kể vừa giải nghĩa từ - Giọng kể thong thả, chậm rãi. Chú ý nhấn giọng những từ ngữ gợi cảm, gợi tả về hình ảnh, hành động, quyết tâm của Nguyễn Ngọc Ký (<i>thập thò, mềm nhũn, buông thõng, bất động, nhờ wót, quay ngoắt, co quắp</i>) GV kể lần 2: - GV vừa kể vừa chỉ vào tranh minh họa GV kể lần 3:</p> | 10 | <p>HS nghe & giải nghĩa một số từ khó - HS nghe, kết hợp nhìn tranh minh họa</p> <p>- HS nghe</p> |
| <p>3.3 Hướng dẫn HS kể chuyện, trao đổi ý nghĩa câu chuyện Hướng dẫn HS kể chuyện - GV mời HS đọc yêu cầu của từng bài tập a) Yêu cầu HS kể chuyện theo nhóm b) Yêu cầu HS thi kể chuyện trước lớp GV theo dõi uốn nắn cho HS Trao đổi ý nghĩa câu chuyện - Yêu cầu HS trao đổi cùng bạn về nội dung, ý nghĩa câu chuyện - GV nhận xét, chốt lại GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất</p> | 20 | <p>- HS đọc lần lượt từng yêu cầu của bài tập - HS kể từng đoạn câu chuyện theo nhóm tư (4 HS) - Một HS kể lại toàn bộ câu chuyện - Vài tổp HS thi kể chuyện từng đoạn theo tranh trước lớp - Vài HS thi kể lại toàn bộ câu chuyện</p> <p>- HS trao đổi, phát biểu: + Ý nghĩa: Câu chuyện khuyên chúng ta hãy kiên trì nhẫn nại vượt khó khăn vươn lên thì sẽ đạt được mong ước của mình. - HS cùng GV bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất</p> |
| <p>4. Củng cố HS nêu nội dung chính của bài Theo gương anh Ký em cần làm gì? - GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS kể hay, nghe bạn chăm chú, nêu nhận xét chính xác</p> | 2 | <p>hs nêu</p> |
| <p>5. Dặn dò Yêu cầu HS về nhà tập kể lại câu chuyện cho người thân.</p> | 1 | <p>HS chú ý nghe</p> |

| | | |
|---|--|--|
| - Chuẩn bị bài: Kể chuyện đã nghe, đã đọc | | |
| Gv nhận xét giờ học | | |

KHOA HỌC

TIẾT 21: BA THỂ CỦA NƯỚC

I.MỤC TIÊU :

1. Kiến thức

- Nêu được nước tồn tại ở 3 thể: lỏng, khí, rắn.
- Làm thí nghiệm về sự chuyển thể của nước từ thể lỏng thành thể khí và ngược lại.

2. Kỹ năng

- Thực hành chuyển nước ở thể lỏng thành thể khí & ngược lại
- Vẽ và trình bày sơ đồ sự chuyển thể của nước
- Biết ứng dụng tính chất chung của nước trong đời sống

3.Thái độ:

- HS ham thích tìm hiểu khoa học

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Máy tính,... Hình vẽ trong SGK.
- Chai và một số vật chứa nước.
- Nguồn nhiệt (nến, đèn cồn,...) và vật chịu nhiệt (chậu thủy tinh, ấm,...)
- Nước đá, khăn lau bằng vải hoặc bọt biển.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên | TG | Hoạt động của học sinh |
|--|----|---------------------------|
| 1. Ổn định tổ chức lớp | 1 | Chuẩn bị đồ dùng học tập |
| 2. Kiểm tra bài cũ Nước có những tính chất gì? - Yêu cầu HS nêu tính chất của nước & một số ứng dụng của những tính chất đó? GV nhận xét | 3 | HS trả lời HS nhận xét |
| 3. Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Ba thể của nước | 1 | HS nghe và ghi tên bài |
| 3.2 Hoạt động 1: Tìm hiểu hiện tượng nước từ thể lỏng chuyển thành thể khí & ngược lại Mục tiêu: HS - Nêu ví dụ về nước ở thể lỏng hoặc thể khí. | 9 | |

- Thực hành chuyển nước từ thể lỏng sang thể khí, ngược lại.

Cách tiến hành:

Bước 1: Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu HS nêu một số ví dụ về nước ở thể lỏng?

- GV dùng khăn ướt lau bảng rồi yêu cầu một HS lên sờ tay vào mặt bảng mới lau & nêu nhận xét

- GV hỏi: Liệu mặt bảng có ướt mãi như vậy không? Nếu mặt bảng khô đi, thì nước trên mặt bảng đã biến đi đâu?

Bước 2: Tổ chức, hướng dẫn HS làm thí nghiệm theo nhómsau đó tổng hợp kết quả làm việc của các nhóm, ghi lên bảng

- GV yêu cầu các nhóm đem đồ dùng ra chuẩn bị làm thí nghiệm

- GV nhắc HS lưu ý đến độ an toàn khi làm thí nghiệm

- Thực hiện:

+ Quan sát nước nóng đang bốc hơi. Nhận xét, nói tên hiện tượng vừa xảy ra.

+ Úp đĩa lên một cốc nước nóng khoảng 1 phút rồi nhắc đĩa ra. Quan sát mặt đĩa. Nhận xét, nói tên hiện tượng vừa xảy ra.

*** GV lưu ý HS:**

+ Hơi nước không thể nhìn thấy bằng mắt thường. Hơi nước là nước ở thể khí.

+ “Cái” mà ta nhìn thấy bốc lên từ nước sôi được giải thích như sau: Khi có rất nhiều hơi nước bốc lên từ nước sôi tập trung ở một chỗ, gặp phải không khí lạnh hơn, ngay lập tức, hơi nước đó ngưng tụ & tạo thành những giọt nước nhỏ li ti tiếp tục bay lên. Lớp nọ nối tiếp lớp kia như đám sương mù, vì vậy mà ta đã nhìn thấy. Khi ta hứng chiếc đĩa, những giọt nước nhỏ li ti gặp đĩa lạnh & ngưng tụ thành những giọt nước đọng trên đĩa

- HS nêu: nước mưa, nước suối, sông, biển

- Mặt bảng ướt

- HS lấy đồ dùng chuẩn bị làm thí nghiệm

- Nhóm trưởng điều khiển các bạn thực hiện thí nghiệm của nhóm mình & nêu nhận xét. Sau đó đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc

+ Có khói mỏng bay lên. Đó là hơi nước bốc lên

+ Có hiện tượng có nhiều hạt nước đọng trên mặt đĩa, đó là hơi nước **ngưng tụ** trên mặt đĩa